TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 223/2024/DS-ST
Ngày 12 – 9 – 2024
V/v tranh chấp HĐ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giang

2. Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2024/TLST-DS, ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: Số 02, Láng H, phường Thành C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê N - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P theo Quyết định về việc ủy quyền số: 411/QĐ-NHN_oPT ngày 12/9/2024 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958 và ông Tô Văn C, sinh năm 1958 (đã chết ngày 03/3/2023); Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tô Văn C: Bà Nguyễn Thị Đ, anh Tô Bé T, anh Tô Quốc T1, anh Tô Hữu N1 và anh Tô Khắc N2 – là vợ, con của ông Tô Văn C; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (bà Đ xin vắng mặt, các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Tô Văn C và bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng. Vào ngày 06/12/2021, ông C, bà Đ ký kết hợp đồng tín dụng số: 7508-LAV-202103932 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P (gọi tắt Ngân hàng) vay số tiền 565.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi tôm, lãi suất vay là 7.35%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn, thời hạn vay là 12 tháng. Cùng ngày, ông C và bà Đ tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số: 7508-LAV-2021039323 với Ngân hàng vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi tôm, lãi suất vay là 9.61%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn, thời hạn vay là 24 tháng. Khi vay, ông bà có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 963255 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp cho ông Tô Văn C vào ngày 25/11/1998, việc thế chấp có làm hợp đồng được chứng thực ngày 19/12/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chất quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 03/12/2021, được đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Tân. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C cùng bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng. Đến ngày 03/3/2023, ông C chết nhưng khoản nợ trên đến nay vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng nên tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Đ cùng anh Tô Bé T, anh Tô Quốc T1, anh Tô Hữu N1 và anh Tô Khắc N2 có trách nhiệm trả một lần cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 715.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 253.028.616 đồng. Tổng các khoản, Ngân hàng yêu cầu là 968.028.616 đồng (chín trăm sáu mươi tám triệu không trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm mười sáu đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền trên. Đồng thời, yêu cầu bà Đ cùng anh T, ông T1, anh N1 và anh N2 giao tài sản thế chấp xử lý phát mại để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi ý kiến vào ngày 12/8/2024, bà Nguyễn Thị Đ (bị đơn) trình bày:

Bà và ông Tô Văn C là vợ chồng, chung sống với nhau có 04 người con gồm Tô Bé T, Tô Quốc T1, Tô Hữu N1 và Tô Khắc N2. Vào năm 2021, vợ chồng bà có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P số tiền 715.000.000 đồng. Khi vay, vợ chồng bà có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất quyền theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 963255 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp cho ông Tô Văn C vào ngày 25/11/1998 với diện tích 23.600m^2 tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Phú Tân, việc thế chấp có ký hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân và có đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Tân vào ngày 22/12/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay đến ngày 03/3/2023, ông C chết không để lại di chúc nên khoản nợ trên đến nay vẫn chưa trả được cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn vay là 715.000.000 đồng cùng lãi phát sinh theo hợp đồng thì bà cũng đồng ý trả và nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu các con cùng có trách nhiệm trả nợ với bà. Mặc dù, ông C chết không để lại di chúc nhưng phần đất thế chấp bà vẫn đang quản lý, sử dụng chưa chia thừa kế cho ai cũng không chuyển nhượng, cầm cố hay tặng cho bất kỳ ai và hiện trạng phần đất trên không thay đổi so với khi thế chấp nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chổ. Đồng thời, do tuổi cao, việc đi lại khó khăn nên bà xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án và xin Tòa án xem xét miễn tiền án phí cho bà.

Đối với anh Tô Bé T, anh Tô Quốc T1, anh Tô Hữu N1 và anh Tô Khắc N2, dù đã triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, anh Tô Bé T cùng anh Tô Quốc T1, anh Tô Hữu N1 và anh Tô Khắc N2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, riêng bà Nguyễn Thị Đ đã có ý kiến và xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc xin vắng mặt của bà Đ và vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T, anh T1, anh N1, anh N2. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo về việc yêu cầu đương sự cung cấp tờ khai tông chi đối với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên tòa đương sự vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nêu trên cho Tòa án nên căn cứ vào lời khai của bà Đ xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông C chỉ gồm: Bà Đ cùng anh T, anh T1, anh N1 và anh N2, không còn ai khác để đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C là có cơ sở.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận là đã vi phạm điều khoản cam kết nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên toà, thể hiện: Việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 715.000.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng), lãi tính đến ngày 12/9/2024 với số tiền 253.028.616 đồng là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 07B.17.PT.0114/HĐTC ngày 13/12/2020 (được chứng thực ngày 19/12/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chất quyền sử dụng đất ngày 02/12/2021 (được chứng thực ngày 03/12/2021) giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P với ông Tô Văn C, bà Nguyễn Thị Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo khoản nợ vay được ký kết giữa các đương sự có công chứng chứng chứng thực, được đăng ký giao dịch bảo đảm và trước khi nhận thế chấp các tài sản theo ghi nhận tại hợp đồng thế chấp, nguyên đơn đã định giá, kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm nên việc thế chấp nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ, hiện tài sản thế chấp trong đó có phần di sản do ông C chết để lại chưa chia thừa kế nên buộc bà Đ cùng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý, phát mại theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thu hồi nợ cho Ngân hàng khi bà Nguyễn Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ là phù hợp.

[2.3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ, ông C chết không để lại di chúc và các đồng thừa kế chưa thực hiện việc chia thưa kế, chưa thực hiện thủ tục cử người quản lý di sản do người chết để lại nhưng di sản trên nằm trong khối tài sản chung của bà Đ, ông C và bà Đ đang quản lý tài sản chung này từ trước đến nay nên mặc nhiên, bà Đ được xác định là người quản lý phần di sản do ông C chết để lại.

Theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên thể hiện khoản nợ trên bà Đ và ông C cùng đứng vay, nên bà Đ có nghĩa vụ trả 50% trên tổng số nợ và ông C là người có nghĩa vụ trả 50% còn lại nhưng do các đồng thừa kế không yêu cầu chia thừa kế và bà Đ là người quản lý phần di sản của ông C trong khối tài sản chung, hiện bà Đ cũng không có khả năng thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, được chấp nhận. Do đó, khi giao tài sản đang quản lý cho Ngân hàng để yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý phát mại, số tiền phát mại được trong đó có 50% là di sản của ông C sẽ được dùng để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, không cần phải buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C cùng liên đới trả nợ mà buộc bà Đ vừa là người có nghĩa vụ, vừa là người quản lý di sản của người chết để lại thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là có cơ sở.

[3] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét.

[4] Về án phí, lẽ ra bị đơn phải chịu nhưng Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 301, 317, 318, 466, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam các khoản với tổng số tiền là 968.028.616 đồng (chín trăm sáu mươi tám triệu không trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm mười sáu đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 715.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 253.028.616 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 12/9/2024, bà Nguyễn Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ cùng anh Tô Bé T, anh Tô Quốc T1, anh Tô Hữu N1 và anh Tô Khắc N2 (người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tô Văn C) giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất trong đó có phần di sản của ông Tô Văn C chết để lại hiện do bà Đ quản lý theo giấy chứng nhận sử dụng đất số L 963255 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân) cấp cho ông Tô Văn C vào ngày 25/11/1998 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 07B.17.PT.0114/HĐTC ngày 13/12/2020 được chứng thực ngày

19/12/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chất quyền sử dụng đất ngày 02/12/2021 được chứng thực ngày 03/12/2021 để xử lý phát mại theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thu hồi nợ cho Ngân hàng khi bà Nguyễn Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không phải nộp. Ngày 13/5/2024, Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 19.774.000đ (mười chín triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003487 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân